

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v ly hôn giữa anh M và chị P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hình

Bà Trần Thị Hải Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 8 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Ngọc M, sinh năm 1974; Trú tại: Xóm 2, thôn D, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; Trú tại: Khu A, Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Nam Định (có mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị P: ông Lê Ngọc V là luật sư, thuộc văn phòng luật sư Văn & Minh, Đoàn luật sư tỉnh Nam Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã L, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 25/4/1997. Sau khi kết hôn anh và chị P chung sống hoà thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị P không chung thuỷ với anh, không quan tâm đến gia đình. Anh và chị P đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay.

Anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không còn khả năng hàn gắn, đề nghị xin được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 01/11/1998 và cháu Trần Thị Hồng N, sinh ngày 17/4/2004. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên anh không có đề nghị Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh M kết hôn như anh M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, mà đỉnh điểm là vào năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình khó khăn, nợ nần nhiều, con trai vi phạm pháp luật. Chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Anh M xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn anh M, vì con chung chưa xây dựng gia đình.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung như anh M trình bày là đúng, hiện nay các con chung đã trưởng thành và tự lập nên chị không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Nếu anh Trần Ngọc M kiên quyết xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét chia sản chung của vợ chồng giữa chị và anh M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm:
Đề nghị bác đơn xin ly hôn của anh Trần Ngọc M, để anh M và chị P về đoàn tụ quan tâm đến con chung và thỏa thuận phân chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Đề nghị xử lý hôn giữa anh Trần Ngọc M và chị Nguyễn Thị P.

+ Về án phí: Anh Trần Ngọc M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P và Trần Ngọc M kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Nam Lợi, huyện Nam Trực vào tháng 4/1997, là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M nghi ngờ lòng chung thủy của chị P, kinh tế gia đình khó khăn càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Anh M và chị P đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa anh M và chị P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của anh M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]*Về con chung*: Anh M và chị P có 02 con chung là Trần Tuấn K, sinh ngày 01/11/1998 và Trần Thị Hồng N, sinh ngày 17/4/2004, đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã có thông báo về việc nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải ngày 17/5/2022, chị Nguyễn Thị P không nộp đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ theo như thông báo ngày 25/4/2022 và thông báo ngày 16/5/2022, nên tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 3 điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết về tài sản, công nợ chung của anh M và chị P sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ việc dân sự khác nếu anh M, chị P có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Trần Ngọc M và chị Nguyễn Thị P.

2. Về án phí : Anh Trần Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh M đã nộp theo Biên lai số 0004580 ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc M và chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã
- bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thịnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh